

Chữ viết cổ của người Thái

Nguồn: Cục di sản văn hóa

Người sưu tầm: Th.s Lò Ngọc Diệp

Người Thái chiếm 54,76% dân số, cư trú hầu khắp 11 huyện, thành phố của tỉnh Sơn La. Người Thái có một nền văn hóa đặc sắc, đặc biệt, họ còn có chữ viết nên lưu giữ được nhiều di sản văn hóa của cha ông. Hệ thống chữ viết cổ của người Thái từ xưa đã được ghi lại trên giấy dó, giấy dướng với nội dung rất phong phú. Chữ viết cổ của người Thái có tự dạng Sanscrit, vốn được vay mượn từ Ấn Độ và được sáng tạo thành bộ chữ riêng. Tiếng Thái là ngôn ngữ đơn tiết, có thanh điệu. Về mặt phân loại thân tộc ngôn ngữ, tiếng Thái thuộc ngữ hệ Tai – Kadai, nhánh Tai, tiểu nhánh Tai Tây Nam. Người Thái là hậu duệ của người Tai cổ, chủ nhân của nền văn minh lúa nước đặc trưng của vùng Đông Nam Á cổ.

Chữ Thái ở Việt Nam là loại chữ cổ và hiện nay vẫn giữ gần như nguyên vẹn từ tổ tiên người Thái để lại. Người Thái ở Việt Nam sống rải rác tại nhiều địa phương, nên chữ viết cũng dùng trong phạm vi từng địa phương, chưa được thống nhất và chưa được cải tiến. Riêng người Thái ở Tây Bắc Việt Nam, từ thời bản mường dưới sự thống lĩnh của Tào Xuông, Tào Ngàn, khoảng thế kỷ XI, XII, khi đưa dân Thái (Thái đen) từ Mường Ôm, Mường Ai nơi đầu "sông nước đỏ" (sông Hồng) vào chiếm Mường Lò (Nghĩa Lộ) đã có "Một mường", "Mo mường" và mang theo sách sử...

Tiếng Thái giàu thanh điệu, vùng phát triển cao nhất là 6 thanh thường và 2 thanh tắc (như tiếng Thái đen Việt Nam). Hai thanh tắc phát âm rõ thanh sắc và thanh nặng (gần như tiếng Việt). Trong số các thanh có thể phân thành hai nhóm cao và thấp hoặc có thể gọi là nhẹ và nặng, từ đó, sáng tạo ra 2 tổ phụ âm cao và phụ âm thấp. Sáng tạo lớn nhất trong bộ chữ của người Thái là tìm ra cách ghi, phân biệt rõ ràng và có quy tắc các thanh trong ngôn ngữ của mình.

Theo các nhà Thái học Việt Nam, do tiếng Thái bao gồm nhiều thổ ngữ, phương ngữ, nên theo dòng lịch sử, người Thái có tới 8 bộ kí tự: *2 bộ của ngành Thái đen*: 1 bộ được dùng phổ biến nhất ở các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, 1 bộ dùng ở miền Tây Thanh Hoá; *4 bộ thuộc ngành Thái trắng*, tại các địa phương: Phong Thổ, Mường Tè (Lai Châu); Mường Lay (Điện Biên); Phù Yên (Sơn La) và 1 bộ tại các địa phương: Mộc Châu (Sơn La), Mai Châu, Đà Bắc (Hoà Bình); *1 bộ chữ Thái Quỳ Châu* (Nghệ An) và *1 bộ mang tên Lai Pao* ở Tương Dương (Nghệ An). Tuy nhiên, tại 7 tỉnh có người Thái đều công nhận họ chỉ có một bộ chữ duy nhất, khác nhau ở một vài ký hiệu riêng của từng địa phương, ghi theo âm của địa phương mình.

Chữ viết của người Thái Việt Nam là di sản kế thừa từ thành tựu chung của cộng đồng ngữ hệ Thái cùng với sự sáng tạo của họ, trong đó, đồng bào Thái ở Sơn La có đóng góp không nhỏ. Người Thái đã sáng tạo ra cách đánh vần nên

với họ, chữ này rất dễ học. Chữ viết của người Thái viết liền, không có dấu chấm, dấu phẩy, không có chữ viết hoa; hơn nữa, bộ ký tự chữ Thái ở mỗi địa phương ít nhiều có sự khác biệt. Bộ chữ Thái đã thể hiện tương đối đầy đủ, toàn diện về hệ thống ngữ âm, từ vựng và ngữ nghĩa của ngôn ngữ Thái. Tuy vậy, nó vẫn có một số hạn chế là không có dấu thanh và chưa thống nhất cao giữa các vùng. Vì vậy, từ năm 1954 đến năm 1963, nhóm trí thức người Thái của Sở Giáo dục Tây Bắc đã thống nhất lại hệ thống chữ Thái và cải tiến chữ Thái cho phù hợp. Đó là: bổ sung thêm hai dấu thanh để phân biệt rõ các thanh điệu của tiếng Thái, đưa các "may" (nguyên âm) đặt ngang hàng với "tô" (phụ âm), đồng thời, gộp các may "căm", "căng", "căn", "cắt"... làm một. Đầu năm 1955, bộ chữ Thái thống nhất này đã được thông qua tại Hội nghị ở Bản Cọ, xã Chiềng An, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (nay là Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La). Từ bộ chữ Thái cổ (có 19 cặp chữ cái phụ âm "tô" và 19 nguyên âm "mày", một số chữ tượng hình và viết tắt), bộ chữ Thái thống nhất đã thay và bổ sung thêm hai chữ của vùng Mộc Châu là O, Ò và 3 cặp tô đặc trưng cho vùng Thái ở Lai Châu, Phong Thổ. Như vậy, bộ chữ Thái thống nhất có 22 cặp chữ cái phụ âm "tô" và 19 chữ cái nguyên âm "mày". Các chữ tượng hình và viết tắt vẫn giữ nguyên như bộ chữ Thái đen cổ. Chữ Thái đã được cải tiến và thống nhất đưa vào giảng dạy và tồn tại trong một số văn bản hành chính như giấy khai sinh, xuất bản một số tác phẩm văn hóa, thơ ca, báo Tây Bắc, báo Sơn La... Tuy nhiên, bộ chữ này bị phê phán không giống chữ Thái cổ nên đến năm 1969, việc dạy chữ Thái phải tạm dừng để nghiên cứu lại.

๑ ๒ ๓ ๔ ๕ ๖ ๗ ๘ ๙ ๑๐ ๑๑ ๑๒ ๑๓ ๑๔ ๑๕ ๑๖ ๑๗ ๑๘ ๑๙ ๒๐ ๒๑ ๒๒ ๒๓ ๒๔ ๒๕ ๒๖ ๒๗ ๒๘ ๒๙ ๓๐ ๓๑ ๓๒ ๓๓ ๓๔ ๓๕ ๓๖ ๓๗ ๓๘ ๓๙ ๔๐ ๔๑ ๔๒ ๔๓ ๔๔ ๔๕ ๔๖ ๔๗ ๔๘ ๔๙ ๕๐ ๕๑ ๕๒ ๕๓ ๕๔ ๕๕ ๕๖ ๕๗ ๕๘ ๕๙ ๖๐ ๖๑ ๖๒ ๖๓ ๖๔ ๖๕ ๖๖ ๖๗ ๖๘ ๖๙ ๗๐ ๗๑ ๗๒ ๗๓ ๗๔ ๗๕ ๗๖ ๗๗ ๗๘ ๗๙ ๘๐ ๘๑ ๘๒ ๘๓ ๘๔ ๘๕ ๘๖ ๘๗ ๘๘ ๘๙ ๙๐ ๙๑ ๙๒ ๙๓ ๙๔ ๙๕ ๙๖ ๙๗ ๙๘ ๙๙ ๑๐๐ ๑๐๑ ๑๐๒ ๑๐๓ ๑๐๔ ๑๐๕ ๑๐๖ ๑๐๗ ๑๐๘ ๑๐๙ ๑๑๐ ๑๑๑ ๑๑๒ ๑๑๓ ๑๑๔ ๑๑๕ ๑๑๖ ๑๑๗ ๑๑๘ ๑๑๙ ๑๒๐ ๑๒๑ ๑๒๒ ๑๒๓ ๑๒๔ ๑๒๕ ๑๒๖ ๑๒๗ ๑๒๘ ๑๒๙ ๑๓๐ ๑๓๑ ๑๓๒ ๑๓๓ ๑๓๔ ๑๓๕ ๑๓๖ ๑๓๗ ๑๓๘ ๑๓๙ ๑๔๐ ๑๔๑ ๑๔๒ ๑๔๓ ๑๔๔ ๑๔๕ ๑๔๖ ๑๔๗ ๑๔๘ ๑๔๙ ๑๕๐ ๑๕๑ ๑๕๒ ๑๕๓ ๑๕๔ ๑๕๕ ๑๕๖ ๑๕๗ ๑๕๘ ๑๕๙ ๑๖๐ ๑๖๑ ๑๖๒ ๑๖๓ ๑๖๔ ๑๖๕ ๑๖๖ ๑๖๗ ๑๖๘ ๑๖๙ ๑๗๐ ๑๗๑ ๑๗๒ ๑๗๓ ๑๗๔ ๑๗๕ ๑๗๖ ๑๗๗ ๑๗๘ ๑๗๙ ๑๘๐ ๑๘๑ ๑๘๒ ๑๘๓ ๑๘๔ ๑๘๕ ๑๘๖ ๑๘๗ ๑๘๘ ๑๘๙ ๑๙๐ ๑๙๑ ๑๙๒ ๑๙๓ ๑๙๔ ๑๙๕ ๑๙๖ ๑๙๗ ๑๙๘ ๑๙๙ ๒๐๐ ๒๐๑ ๒๐๒ ๒๐๓ ๒๐๔ ๒๐๕ ๒๐๖ ๒๐๗ ๒๐๘ ๒๐๙ ๒๑๐ ๒๑๑ ๒๑๒ ๒๑๓ ๒๑๔ ๒๑๕ ๒๑๖ ๒๑๗ ๒๑๘ ๒๑๙ ๒๒๐ ๒๒๑ ๒๒๒ ๒๒๓ ๒๒๔ ๒๒๕ ๒๒๖ ๒๒๗ ๒๒๘ ๒๒๙ ๒๓๐ ๒๓๑ ๒๓๒ ๒๓๓ ๒๓๔ ๒๓๕ ๒๓๖ ๒๓๗ ๒๓๘ ๒๓๙ ๒๔๐ ๒๔๑ ๒๔๒ ๒๔๓ ๒๔๔ ๒๔๕ ๒๔๖ ๒๔๗ ๒๔๘ ๒๔๙ ๒๕๐ ๒๕๑ ๒๕๒ ๒๕๓ ๒๕๔ ๒๕๕ ๒๕๖ ๒๕๗ ๒๕๘ ๒๕๙ ๒๖๐ ๒๖๑ ๒๖๒ ๒๖๓ ๒๖๔ ๒๖๕ ๒๖๖ ๒๖๗ ๒๖๘ ๒๖๙ ๒๗๐ ๒๗๑ ๒๗๒ ๒๗๓ ๒๗๔ ๒๗๕ ๒๗๖ ๒๗๗ ๒๗๘ ๒๗๙ ๒๘๐ ๒๘๑ ๒๘๒ ๒๘๓ ๒๘๔ ๒๘๕ ๒๘๖ ๒๘๗ ๒๘๘ ๒๘๙ ๒๙๐ ๒๙๑ ๒๙๒ ๒๙๓ ๒๙๔ ๒๙๕ ๒๙๖ ๒๙๗ ๒๙๘ ๒๙๙ ๓๐๐ ๓๐๑ ๓๐๒ ๓๐๓ ๓๐๔ ๓๐๕ ๓๐๖ ๓๐๗ ๓๐๘ ๓๐๙ ๓๑๐ ๓๑๑ ๓๑๒ ๓๑๓ ๓๑๔ ๓๑๕ ๓๑๖ ๓๑๗ ๓๑๘ ๓๑๙ ๓๒๐ ๓๒๑ ๓๒๒ ๓๒๓ ๓๒๔ ๓๒๕ ๓๒๖ ๓๒๗ ๓๒๘ ๓๒๙ ๓๓๐ ๓๓๑ ๓๓๒ ๓๓๓ ๓๓๔ ๓๓๕ ๓๓๖ ๓๓๗ ๓๓๘ ๓๓๙ ๓๔๐ ๓๔๑ ๓๔๒ ๓๔๓ ๓๔๔ ๓๔๕ ๓๔๖ ๓๔๗ ๓๔๘ ๓๔๙ ๓๕๐ ๓๕๑ ๓๕๒ ๓๕๓ ๓๕๔ ๓๕๕ ๓๕๖ ๓๕๗ ๓๕๘ ๓๕๙ ๓๖๐ ๓๖๑ ๓๖๒ ๓๖๓ ๓๖๔ ๓๖๕ ๓๖๖ ๓๖๗ ๓๖๘ ๓๖๙ ๓๗๐ ๓๗๑ ๓๗๒ ๓๗๓ ๓๗๔ ๓๗๕ ๓๗๖ ๓๗๗ ๓๗๘ ๓๗๙ ๓๘๐ ๓๘๑ ๓๘๒ ๓๘๓ ๓๘๔ ๓๘๕ ๓๘๖ ๓๘๗ ๓๘๘ ๓๘๙ ๓๙๐ ๓๙๑ ๓๙๒ ๓๙๓ ๓๙๔ ๓๙๕ ๓๙๖ ๓๙๗ ๓๙๘ ๓๙๙ ๔๐๐ ๔๐๑ ๔๐๒ ๔๐๓ ๔๐๔ ๔๐๕ ๔๐๖ ๔๐๗ ๔๐๘ ๔๐๙ ๔๑๐ ๔๑๑ ๔๑๒ ๔๑๓ ๔๑๔ ๔๑๕ ๔๑๖ ๔๑๗ ๔๑๘ ๔๑๙ ๔๒๐ ๔๒๑ ๔๒๒ ๔๒๓ ๔๒๔ ๔๒๕ ๔๒๖ ๔๒๗ ๔๒๘ ๔๒๙ ๔๓๐ ๔๓๑ ๔๓๒ ๔๓๓ ๔๓๔ ๔๓๕ ๔๓๖ ๔๓๗ ๔๓๘ ๔๓๙ ๔๔๐ ๔๔๑ ๔๔๒ ๔๔๓ ๔๔๔ ๔๔๕ ๔๔๖ ๔๔๗ ๔๔๘ ๔๔๙ ๔๕๐ ๔๕๑ ๔๕๒ ๔๕๓ ๔๕๔ ๔๕๕ ๔๕๖ ๔๕๗ ๔๕๘ ๔๕๙ ๔๖๐ ๔๖๑ ๔๖๒ ๔๖๓ ๔๖๔ ๔๖๕ ๔๖๖ ๔๖๗ ๔๖๘ ๔๖๙ ๔๗๐ ๔๗๑ ๔๗๒ ๔๗๓ ๔๗๔ ๔๗๕ ๔๗๖ ๔๗๗ ๔๗๘ ๔๗๙ ๔๘๐ ๔๘๑ ๔๘๒ ๔๘๓ ๔๘๔ ๔๘๕ ๔๘๖ ๔๘๗ ๔๘๘ ๔๘๙ ๔๙๐ ๔๙๑ ๔๙๒ ๔๙๓ ๔๙๔ ๔๙๕ ๔๙๖ ๔๙๗ ๔๙๘ ๔๙๙ ๕๐๐ ๕๐๑ ๕๐๒ ๕๐๓ ๕๐๔ ๕๐๕ ๕๐๖ ๕๐๗ ๕๐๘ ๕๐๙ ๕๑๐ ๕๑๑ ๕๑๒ ๕๑๓ ๕๑๔ ๕๑๕ ๕๑๖ ๕๑๗ ๕๑๘ ๕๑๙ ๕๒๐ ๕๒๑ ๕๒๒ ๕๒๓ ๕๒๔ ๕๒๕ ๕๒๖ ๕๒๗ ๕๒๘ ๕๒๙ ๕๓๐ ๕๓๑ ๕๓๒ ๕๓๓ ๕๓๔ ๕๓๕ ๕๓๖ ๕๓๗ ๕๓๘ ๕๓๙ ๕๔๐ ๕๔๑ ๕๔๒ ๕๔๓ ๕๔๔ ๕๔๕ ๕๔๖ ๕๔๗ ๕๔๘ ๕๔๙ ๕๕๐ ๕๕๑ ๕๕๒ ๕๕๓ ๕๕๔ ๕๕๕ ๕๕๖ ๕๕๗ ๕๕๘ ๕๕๙ ๕๖๐ ๕๖๑ ๕๖๒ ๕๖๓ ๕๖๔ ๕๖๕ ๕๖๖ ๕๖๗ ๕๖๘ ๕๖๙ ๕๗๐ ๕๗๑ ๕๗๒ ๕๗๓ ๕๗๔ ๕๗๕ ๕๗๖ ๕๗๗ ๕๗๘ ๕๗๙ ๕๘๐ ๕๘๑ ๕๘๒ ๕๘๓ ๕๘๔ ๕๘๕ ๕๘๖ ๕๘๗ ๕๘๘ ๕๘๙ ๕๙๐ ๕๙๑ ๕๙๒ ๕๙๓ ๕๙๔ ๕๙๕ ๕๙๖ ๕๙๗ ๕๙๘ ๕๙๙ ๖๐๐ ๖๐๑ ๖๐๒ ๖๐๓ ๖๐๔ ๖๐๕ ๖๐๖ ๖๐๗ ๖๐๘ ๖๐๙ ๖๑๐ ๖๑๑ ๖๑๒ ๖๑๓ ๖๑๔ ๖๑๕ ๖๑๖ ๖๑๗ ๖๑๘ ๖๑๙ ๖๒๐ ๖๒๑ ๖๒๒ ๖๒๓ ๖๒๔ ๖๒๕ ๖๒๖ ๖๒๗ ๖๒๘ ๖๒๙ ๖๓๐ ๖๓๑ ๖๓๒ ๖๓๓ ๖๓๔ ๖๓๕ ๖๓๖ ๖๓๗ ๖๓๘ ๖๓๙ ๖๔๐ ๖๔๑ ๖๔๒ ๖๔๓ ๖๔๔ ๖๔๕ ๖๔๖ ๖๔๗ ๖๔๘ ๖๔๙ ๖๕๐ ๖๕๑ ๖๕๒ ๖๕๓ ๖๕๔ ๖๕๕ ๖๕๖ ๖๕๗ ๖๕๘ ๖๕๙ ๖๖๐ ๖๖๑ ๖๖๒ ๖๖๓ ๖๖๔ ๖๖๕ ๖๖๖ ๖๖๗ ๖๖๘ ๖๖๙ ๖๗๐ ๖๗๑ ๖๗๒ ๖๗๓ ๖๗๔ ๖๗๕ ๖๗๖ ๖๗๗ ๖๗๘ ๖๗๙ ๖๘๐ ๖๘๑ ๖๘๒ ๖๘๓ ๖๘๔ ๖๘๕ ๖๘๖ ๖๘๗ ๖๘๘ ๖๘๙ ๖๙๐ ๖๙๑ ๖๙๒ ๖๙๓ ๖๙๔ ๖๙๕ ๖๙๖ ๖๙๗ ๖๙๘ ๖๙๙ ๗๐๐ ๗๐๑ ๗๐๒ ๗๐๓ ๗๐๔ ๗๐๕ ๗๐๖ ๗๐๗ ๗๐๘ ๗๐๙ ๗๑๐ ๗๑๑ ๗๑๒ ๗๑๓ ๗๑๔ ๗๑๕ ๗๑๖ ๗๑๗ ๗๑๘ ๗๑๙ ๗๒๐ ๗๒๑ ๗๒๒ ๗๒๓ ๗๒๔ ๗๒๕ ๗๒๖ ๗๒๗ ๗๒๘ ๗๒๙ ๗๓๐ ๗๓๑ ๗๓๒ ๗๓๓ ๗๓๔ ๗๓๕ ๗๓๖ ๗๓๗ ๗๓๘ ๗๓๙ ๗๔๐ ๗๔๑ ๗๔๒ ๗๔๓ ๗๔๔ ๗๔๕ ๗๔๖ ๗๔๗ ๗๔๘ ๗๔๙ ๗๕๐ ๗๕๑ ๗๕๒ ๗๕๓ ๗๕๔ ๗๕๕ ๗๕๖ ๗๕๗ ๗๕๘ ๗๕๙ ๗๖๐ ๗๖๑ ๗๖๒ ๗๖๓ ๗๖๔ ๗๖๕ ๗๖๖ ๗๖๗ ๗๖๘ ๗๖๙ ๗๗๐ ๗๗๑ ๗๗๒ ๗๗๓ ๗๗๔ ๗๗๕ ๗๗๖ ๗๗๗ ๗๗๘ ๗๗๙ ๗๘๐ ๗๘๑ ๗๘๒ ๗๘๓ ๗๘๔ ๗๘๕ ๗๘๖ ๗๘๗ ๗๘๘ ๗๘๙ ๗๙๐ ๗๙๑ ๗๙๒ ๗๙๓ ๗๙๔ ๗๙๕ ๗๙๖ ๗๙๗ ๗๙๘ ๗๙๙ ๘๐๐ ๘๐๑ ๘๐๒ ๘๐๓ ๘๐๔ ๘๐๕ ๘๐๖ ๘๐๗ ๘๐๘ ๘๐๙ ๘๑๐ ๘๑๑ ๘๑๒ ๘๑๓ ๘๑๔ ๘๑๕ ๘๑๖ ๘๑๗ ๘๑๘ ๘๑๙ ๘๒๐ ๘๒๑ ๘๒๒ ๘๒๓ ๘๒๔ ๘๒๕ ๘๒๖ ๘๒๗ ๘๒๘ ๘๒๙ ๘๓๐ ๘๓๑ ๘๓๒ ๘๓๓ ๘๓๔ ๘๓๕ ๘๓๖ ๘๓๗ ๘๓๘ ๘๓๙ ๘๔๐ ๘๔๑ ๘๔๒ ๘๔๓ ๘๔๔ ๘๔๕ ๘๔๖ ๘๔๗ ๘๔๘ ๘๔๙ ๘๕๐ ๘๕๑ ๘๕๒ ๘๕๓ ๘๕๔ ๘๕๕ ๘๕๖ ๘๕๗ ๘๕๘ ๘๕๙ ๘๖๐ ๘๖๑ ๘๖๒ ๘๖๓ ๘๖๔ ๘๖๕ ๘๖๖ ๘๖๗ ๘๖๘ ๘๖๙ ๘๗๐ ๘๗๑ ๘๗๒ ๘๗๓ ๘๗๔ ๘๗๕ ๘๗๖ ๘๗๗ ๘๗๘ ๘๗๙ ๘๘๐ ๘๘๑ ๘๘๒ ๘๘๓ ๘๘๔ ๘๘๕ ๘๘๖ ๘๘๗ ๘๘๘ ๘๘๙ ๘๙๐ ๘๙๑ ๘๙๒ ๘๙๓ ๘๙๔ ๘๙๕ ๘๙๖ ๘๙๗ ๘๙๘ ๘๙๙ ๙๐๐ ๙๐๑ ๙๐๒ ๙๐๓ ๙๐๔ ๙๐๕ ๙๐๖ ๙๐๗ ๙๐๘ ๙๐๙ ๙๑๐ ๙๑๑ ๙๑๒ ๙๑๓ ๙๑๔ ๙๑๕ ๙๑๖ ๙๑๗ ๙๑๘ ๙๑๙ ๙๒๐ ๙๒๑ ๙๒๒ ๙๒๓ ๙๒๔ ๙๒๕ ๙๒๖ ๙๒๗ ๙๒๘ ๙๒๙ ๙๓๐ ๙๓๑ ๙๓๒ ๙๓๓ ๙๓๔ ๙๓๕ ๙๓๖ ๙๓๗ ๙๓๘ ๙๓๙ ๙๔๐ ๙๔๑ ๙๔๒ ๙๔๓ ๙๔๔ ๙๔๕ ๙๔๖ ๙๔๗ ๙๔๘ ๙๔๙ ๙๕๐ ๙๕๑ ๙๕๒ ๙๕๓ ๙๕๔ ๙๕๕ ๙๕๖ ๙๕๗ ๙๕๘ ๙๕๙ ๙๖๐ ๙๖๑ ๙๖๒ ๙๖๓ ๙๖๔ ๙๖๕ ๙๖๖ ๙๖๗ ๙๖๘ ๙๖๙ ๙๗๐ ๙๗๑ ๙๗๒ ๙๗๓ ๙๗๔ ๙๗๕ ๙๗๖ ๙๗๗ ๙๗๘ ๙๗๙ ๙๘๐ ๙๘๑ ๙๘๒ ๙๘๓ ๙๘๔ ๙๘๕ ๙๘๖ ๙๘๗ ๙๘๘ ๙๘๙ ๙๙๐ ๙๙๑ ๙๙๒ ๙๙๓ ๙๙๔ ๙๙๕ ๙๙๖ ๙๙๗ ๙๙๘ ๙๙๙ ๑๐๐๐

Chữ Thái Việt Nam được thống nhất sử dụng từ Tháng 5 / 2008

Năm 1995, nhóm ông Hoàng Trọng Đình, Cẩm Ngọc Vạn, Lương Hải Nhì tham khảo vở tập viết của chữ Lào và Thái Lan biên soạn ra vở tập viết chữ Thái ở Sơn La, đưa font chữ vào hệ thống máy tính.

Năm 2003, bộ chữ Thái đã được chỉnh sửa lại trên cơ sở bộ chữ Thái của Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Sơn La, biên soạn thành sách và được đưa vào dạy tại một số nơi trong tỉnh cho đối tượng cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và đồng bào Thái trong tỉnh từ năm 2004. Năm 2005, tỉnh Sơn La đã đưa bộ chữ Thái trên vào máy tính và xây dựng bộ gõ chữ Thái trên máy vi tính. Sau đó, một nhóm nghiên cứu đã đưa bộ chữ Thái vào UNICODE.

Tại Quyết định số 03/2006/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2006, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ban hành chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc miền núi. Hiện có khoảng trên 3.000 người đã được cấp chứng chỉ biết chữ tiếng Thái.

Bộ chữ Thái ở Sơn La hiện nay, cũng như trước kia đều có đặc điểm cơ bản sau:

- Chữ Thái cổ không có dấu thanh điệu, khi đọc phải căn cứ vào ngữ điệu mà đoán. Một phụ âm của chữ Thái có hai ký hiệu: huyền (`), thanh ngã (~). Khi mượn từ Việt có thanh (`) thì thành thanh cao (~). Khi mượn từ Việt có thanh ngã (~) thì biến thành thanh (') hoặc thanh (.).

- Hệ thống bộ chữ cổ của người Thái gồm: chữ cái phụ âm có 24 cặp chia làm 2 tổ: thấp và cao; chữ cái nguyên âm có 19 nguyên âm; dấu thanh điệu có 2 dấu thanh cho 2 tổ hợp, mỗi tổ hợp kể cả không dấu thanh sẽ tạo thành 3 thanh điệu, tổng cộng là 6 thanh điệu; hệ thống vần chữ Thái.

- Chữ Thái cổ được viết liền nhau, không có dấu chấm, dấu phẩy, không viết hoa. Phụ âm cuối của âm tiết trước có thể làm phụ âm đầu của tiết sau; một phụ âm có thể kết hợp với ba nguyên âm để cấu thành ba âm tiết và ngược lại một nguyên âm có thể kết hợp với hai phụ âm để cấu thành hai âm tiết; nét chữ và độ dài, ngắn của một số phụ âm không rõ ràng, dễ nhầm lẫn; có nhiều từ cổ, có chữ âm từ (tượng hình) nên hiện nay ít người đọc được chữ Thái cổ; có nhiều thành ngữ, tục ngữ được sử dụng rất phổ biến trong giao tiếp.

Chữ Thái cổ hiện nay do những người già, người am hiểu chữ Thái nắm giữ và bảo lưu trong các cuốn sách chữ Thái cổ. Có thể phân loại sách chữ Thái cổ thành các loại sau: sách viết về quan niệm trời đất, sinh vật và sự sống (thế giới quan của con người); truyện kể (quám tô); sách hát (quám khắp); sách dạy người (quám bóc mạy, son kôn); sách giáo dục trẻ em; sách dạy lời giao tiếp (quám cáo nai); sách cúng tế (quám cáo tằm); sách cúng của thầy mo (quám một); sách về tục lệ (hịt không); sách bói toán (quám dựng mó); sách bùa chài ma thuật (măn muôn, bít năng, băng phấn); các loại sách hướng dẫn. Mỗi loại sách lại có nhiều chủ đề khác nhau.

Hệ thống sách chữ Thái cổ ghi chép về nhiều lĩnh vực như: lịch sử, lễ nghi, phong tục, luật lệ, đạo lý, địa lý, tín ngưỡng, nhân sinh quan thế giới và vũ trụ, văn học (sử thi, trường ca, anh hùng ca...), là nguồn sử liệu vô giá nghiên cứu về mọi mặt đời sống, văn hóa, xã hội... của người Thái. Chữ Thái cổ ghi lại những áng văn thơ của dân tộc mình để truyền từ đời này sang đời khác, được thể hiện qua những lời hát dân ca, những lời thơ trữ tình, lời dạy con cháu, ôn truyền thống lịch sử hào hùng của cha ông... Chữ Thái cổ là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực: âm nhạc, văn hóa dân gian, dân tộc học, ngữ văn... Hình thành

từ cội nguồn xa xưa, chữ Thái có chức năng bảo tồn, phản ánh chiều sâu văn hóa dân tộc. Nghiên cứu chữ Thái và những pho sách Thái cổ góp phần hiểu rõ lịch sử tộc người, văn hóa, tín ngưỡng, tri thức dân gian của người Thái. Với giá trị và ý nghĩa đặc biệt trên, Chữ viết cổ của người Thái được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 829/QĐ - BVHTTDL ngày 10/3/2016.